TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

Số: 57 /CĐĐS-HĐT
V/v Báo cáo tình hình hoạt động năm 2021 và nhiệm vụ, kế hoạch năm 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Cao đẳng đường sắt

Thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 và Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 Quy định về Điều lệ Trường cao đẳng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 130/QĐ-ĐS ngày 22 tháng 2 năm 2021 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, tại mục 4 Điều 18 về mối quan hệ giữa Hội đồng trường và Hiệu trưởng quy định: " Vào ngày 25 của tháng cuối quý, năm, Hiệu trưởng có trách nhiệm gửi báo cáo bằng văn bản về việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng trường ". Đến nay, Hội đồng trường vẫn chưa nhận được báo cáo theo quy định trên;

Để chuẩn bị cho cuộc họp Hội đồng trường định kỳ, Hội đồng trường đề nghị Hiệu trưởng trường Cao đẳng Đường sắt báo cáo các nội dung phục vụ cuộc họp cụ thể như sau:

1. Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động của trường năm 2021 (như phụ lục kèm theo văn bản này) và nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện năm 2022;
2. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường trong năm 2021;

Báo cáo gửi Hội đồng trường (qua Thư ký HĐT) trước ngày 27/1/2022 để tập hợp gửi các thành viên Hội đồng trường theo quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TK-HĐT.

TM.HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

Bùi Anh Tuấn

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC

Báo cáo kết quả hoạt động của trường năm 2021 và nhiệm vụ, kế hoạch, giải pháp thực hiện năm 2022 bao gồm các chỉ tiêu:

1. Công tác tuyển sinh: đào tạo cho Tổng công ty; đào tạo cho các đơn vị trong ngành đường sắt; đào tạo cho các đơn vị ngoài ngành đường sắt có so sánh giữa kế hoạch năm 2021 và cùng kỳ năm 2020.

2. Công tác đào tạo: Về số lượng, chất lượng có so sánh giữa kế hoạch năm 2021 và cùng kỳ năm 2020.

3. Công tác biên soạn chương trình, tài liệu giảng dạy theo kế hoạch năm 2021 và so với cùng kỳ năm 2020.

4. Công tác xây dựng cơ bản:

- Nguồn vốn thực hiện năm 2021, tình hình thực hiện và giải ngân các dự án;

- Các dự án đã hoàn thành, quyết toán đưa vào sử dụng;

- Tình hình thực hiện duy tu sửa chữa có so sánh với kế hoạch năm 2021 và so với cùng kỳ năm 2020;

- Tăng cường trang thiết bị có so sánh với kế hoạch năm 2021 và so với cùng kỳ năm 2020.

5. Cơ cấu tổ chức, lao động, tiền lương và thực hiện các chế độ xã hội hiện tại của trường:

- Tổng số lao động của toàn trường có mặt đến ngày 31/12/2021 có phân theo khu vực.

- Trong năm đã thực hiện chế độ hưu trí, chuyển công tác và chấm dứt hợp đồng lao động. Hợp đồng tuyển dụng mới. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động: nâng lương, thực hiện Đóng BHXH, BHYT, BHTN, thai sản cho người lao động theo qui định của pháp luật.

- Tổng quỹ tiền lương chi trả trong năm 2021. Trong đó chi:

+ Chi tiền lương, hỗ trợ thu nhập hàng tháng, lễ tết, du lịch, (đã trừ BHXH, BHYT, BHTN) tại các khu vực và bình quân.

+ Trả phụ cấp giáo viên;

+ Trả công dạy vượt giờ;

+ Bình quân thu nhập đầu người toàn trường năm 2021 (đã trừ bảo hiểm) so với kế hoạch và so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó phân ra khối hành chính, phục

Scanned with CamScanner

vụ và khối giáo viên (tính đồng/người/tháng), có thống kê mức thu nhập cao nhất và thấp nhất của từng khối.

6. Công tác tài chính:
   - Báo cáo quyết toán năm 2021 có so sánh với năm 2020;
   - Báo cáo các nội dung sau: Nguồn thu, nguồn chi. Trong đó: Nguồn chi thương xuyên, chi không thường xuyên, chi đầu tư…
   - Báo cáo tình hình công nợ, thanh lý tài sản trong năm 2021.

TT	Diễn giải	Kế hoạch Năm 2021	Năm 2021		Dự kiến Kế hoạch năm 2022
			Thực hiện năm 2021	So sánh với năm 2020 (%)	
I	**Tổng thu**				
1	Thu học phí				
2	Thu hợp đồng đào tạo các đơn vị ngoài Tổng công ty				
3	Hợp đồng đào tạo với Tcty ĐSVN				
4	Thu các hoạt động tài chính.				
5	Thu thanh lý tài sản				
6	Thu các hoạt động dịch vụ				
7	Thu khác				
II	**Tổng chi**				
1	Quỹ tiền lương CBCNV				
2	Các khoản đóng góp: BHXH, BHYT...				
3	Học bổng HSSV				
4	**Dịch vụ công cộng**				

Scanned with CamScanner

	- Tiền điện, nước				
	- Tiền xăng xe				
	- VSMT, khác				
5	Vật tư văn phòng				
	- Văn phòng phẩm, tài liệu...				
	- Mua sắm dụng cụ văn phòng				
6	Chi phí đoàn ra đoàn vào				
7	Thông tin liên lạc				
8	Công tác phí				
9	Chi phí thuê mướn				
10	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn ngành				
11	Chi sửa chữa				
12	Chi khác				
13	Ăn ca				
14	Khấu hao TSCĐ				
12	- Chi phúc lợi, khen thưởng				
16	Chi thuê ngoài các lớp BDNV				
17	Chi thanh lý nhượng bán tài sản				
III	**Chênh lệch thu chi**				
IV	**Chi trả tiền lao động dôi dư năm 2021**				

Scanned with CamScanner